

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

LƯƠNG THANH CƯỜNG*

Cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam là một quá trình liên tục tìm tòi, trải nghiệm nhằm xác định được một mô hình tổ chức và vận hành nền hành chính nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam, bảo đảm có được một nền hành chính nhà nước tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Từ khóa: Cải cách hành chính nhà nước; thủ tục hành chính; từ năm 1986 - 2023.

Public administration reform in Vietnam is a process of continuous research and experience in order to identify a model of organization and operation of state administration that is suitable to the practical conditions of Vietnam, ensuring a streamlined, professional, efficient and effective state administration, serving the Fatherland and the People.

Keywords: Public administration reform; administrative procedures; in the years 1986 - 2023.

NGÀY NHẬN: 23/6/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 24/7/2023

NGÀY DUYỆT: 16/8/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.331.2023.572>

1. Cải cách hành chính nhà nước từ năm 1986 - 2023

- Năm 1986, Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội VI) được coi là mốc “đổi mới” của đất nước, trong đó có cải cách hành chính nhà nước (CCHCNN). Với tinh thần: “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”¹, Đại hội VI đã đưa ra nhiều định hướng cho việc tiến hành CCHCNN, như: (1) Xác định “tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ

sản xuất xã hội chủ nghĩa”²; (2) Phân cấp quản lý bảo đảm quyền làm chủ của ba cấp: quyền quyết định của trung ương (bao gồm cả các ngành trung ương) đối với những vấn đề then chốt, những vấn đề có ý nghĩa chiến lược...; bảo đảm quyền chủ động của địa phương trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ; quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở... Trong sự phân công, phân cấp quản lý, trách nhiệm phải đi đôi với quyền hạn, nghĩa vụ gắn liền với lợi ích³.

Từ những đường lối nêu trên, thể chế về hành chính nhà nước (HCNN) bắt đầu có những chuyển đổi cả về cơ chế, phương thức

* PGS.TS, Học viện Hành chính Quốc gia

vận hành trên nhiều khía cạnh, tạo ra những thay đổi trong tổ chức và hoạt động của nền HCNN. Những thay đổi nhiều nhất là thuộc về quản lý kinh tế với các thành phần kinh tế ngoài nhà nước xuất hiện và vận hành (như: *Luật Đầu tư nước ngoài* năm 1987, *Luật Doanh nghiệp tư nhân* năm 1990, *Luật Công ty cổ phần* năm 1990); đối với quản lý doanh nghiệp nhà nước có Quyết định số 217-HĐBT ngày 14/11/1987 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa (XHCHN) đối với xí nghiệp quốc doanh, Nghị định số 388-HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế về thành lập và giải thể doanh nghiệp nhà nước... Với những thay đổi này dần dần xuất hiện đối tượng quản lý nhà nước mới là các doanh nghiệp không thuộc sở hữu nhà nước.

- Đại hội VII (năm 1991) đưa ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó đưa ra định hướng lớn liên quan đến cải cách bộ máy nhà nước nói chung, CCHCNN nói riêng là “Xóa bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác”⁴ và “Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của trung ương. Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công rành mạch ba quyền đó”⁵.

Hệ thống hành chính trở thành trọng tâm của cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng một hệ thống hành pháp và quản lý hành chính nhà nước thông suốt từ trung ương đến cơ sở, có đủ quyền lực, năng lực, hiệu quả... Trong đó, “Phân định rõ cán bộ dân

cử hoạt động theo nhiệm kỳ và các loại công chức, viên chức chuyên nghiệp”⁶. Trên cơ sở định hướng chính trị trên, nền kinh tế trong đó cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân. Theo đó, lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế tiếp tục được bổ sung nhiều cơ chế mới, như: *Luật Phá sản doanh nghiệp* năm 1993, *Luật Khuyến khích đầu tư trong nước* năm 1994, *Luật Doanh nghiệp nhà nước* năm 1995, *Luật Hợp tác xã* năm 1996, *Luật Đầu tư nước ngoài* năm 1996...

Cải cách bộ máy nhà nước, CCHCNN nói riêng được triển khai mạnh mẽ hơn để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn bằng việc ban hành *Hiến pháp* năm 1992 với những thay đổi lớn về HCNN: xác lập chế định Chủ tịch nước thay cho Hội đồng Nhà nước, Chính phủ thay cho Hội đồng Bộ trưởng, chuyển cơ chế làm việc của Chính phủ từ tập thể sang kết hợp giữa tập thể và cá nhân. *Luật Tổ chức Chính phủ* năm 1992, *Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân* năm 1994 đã được thiết kế phân định rõ hơn giữa nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể (Chính phủ, Ủy ban nhân dân) với cá nhân (Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân). Đặc biệt là quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được điều chỉnh bằng *Luật Ban hành VBQPPL* năm 1996. Từ đây, quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL được chuẩn hóa, tạo điều kiện để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và nâng cao chất lượng hệ thống VBQPPL.

Nghị quyết số 38-NQ/CP ngày 04/5/1994 của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính (TTHC) trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức có thể được xem như là một mốc quan trọng trong quá trình cải cách TTHC, với trọng tâm là rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC trong

các lĩnh vực, như: thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, đầu tư, xây dựng, sửa chữa nhà cửa, cấp đất; đăng ký kinh doanh, hành nghề; sở hữu và sử dụng phương tiện giao thông; hộ khẩu; xuất cảnh, nhập cảnh; trước bạ mua, bán, chuyển nhượng các loại tài sản; cho vay vốn; công chứng; thanh tra doanh nghiệp. Tiếp đến, Nghị quyết số 08-NQ/HNTW ngày 23/01/1995 Hội nghị Trung ương 8 (khóa VII) đã xác định một trong những nguyên tắc căn bản của tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

- Đại hội VIII (năm 1996) đã đưa ra 5 quan điểm⁷ về tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời, đưa các nhiệm vụ, trong đó cải cách nền HCNN “phải dựa trên cơ sở pháp luật và tiến hành đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính”⁸. Điểm nhấn trong CCHCNN giai đoạn này là việc tạo lập sự bình đẳng về mặt pháp lý cho tất cả các loại hình doanh nghiệp bằng việc ban hành *Luật Doanh nghiệp* năm 1999, với tư duy bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân, “công dân được kinh doanh tất cả những lĩnh vực trừ những lĩnh vực pháp luật cấm”. Cùng với đó, thể chế về công chức được tiếp tục chuẩn hóa với *Pháp lệnh Cán bộ, công chức* năm 1998.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001- 2010 cũng chỉ rõ việc đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, đó là: đổi mới thể chế, kiện toàn hợp lý tổ chức bộ máy nhà nước, nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, quan liêu⁹.

- Trên tinh thần của Đại hội IX của Đảng (năm 2001), tại Điều 2 *Hiến pháp* năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) đã chính thức thể chế hóa nguyên tắc “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Bên cạnh đó, để CCHCNN được triển khai một cách thống nhất, có mục tiêu, kế hoạch, Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2001 - 2010* đã xác định các nội dung của CCHCNN gồm: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; (3) Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; (4) Cải cách tài chính công. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước được thực hiện trên cơ sở Quyết định số 112/2001/QĐ-TTg ngày 25/7/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001- 2005. Ngoài ra, *Luật Cán bộ, công chức* năm 2008, *Luật Viên chức* năm 2010 đã tạo cơ sở pháp lý để từng bước điều chỉnh chuyên biệt cho nhóm người phục vụ nhà nước (công chức) và nhóm người cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (viên chức), đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công.

- Đại hội X của Đảng (năm 2006) xác định “Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại... bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi phân cấp... phân định lại thẩm quyền đối với chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo”¹⁰ và điều chỉnh chức năng của Chính phủ là cơ quan HCNN cao nhất. Trong đó, Chính phủ tập trung vào việc hoạch định thể chế, chính sách, xây dựng biện pháp, cải

cách TTHC, tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế - xã hội; “nâng cao năng lực và hiệu quả chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, thanh tra thực hiện thể chế; xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội của cơ quan công quyền các cấp”¹¹.

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Theo đó, xác định rõ: “Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”¹². Đại hội XI (năm 2011) xác định việc thực hiện chương trình CCHCNN và hiện đại hóa nền hành chính quốc gia, “Tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành của hệ thống hành chính nhà nước các cấp”¹³.

Trên tinh thần đó, *Hiến pháp* năm 2013, *Luật Tổ chức Chính phủ* năm 2014, *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2015 được ban hành không chỉ nhằm kiện toàn tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung mà còn thúc đẩy CCHCNN đi vào chiều sâu hơn nữa. Cùng với đó, Chính phủ đã có Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 ban hành *Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2011 - 2020* với các nhiệm vụ: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách TTHC; (3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; (4) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; (5) Cải cách tài chính công; (6) Hiện đại hóa hành chính.

- Đại hội XII của Đảng (năm 2016) đưa ra nhiệm vụ hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ, “Hoàn thiện mô hình tổ chức chính

quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo luật định. Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức”¹⁴. Cùng với đó, Đảng đã ban hành các nghị quyết quan trọng liên quan đến đổi mới, sắp xếp bộ máy nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức ngang tầm nhiệm vụ¹⁵.

- Đến Đại hội XIII (năm 2021), trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đưa ra quan điểm: “Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước”¹⁶, đồng thời, chỉ ra phương hướng cải cách TTHC một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả; đặc biệt là “Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số...”¹⁷.

Cùng với đó, Đảng đã đưa ra nhiều nghị quyết có nội dung liên quan đến CCHCNN, đặc biệt là Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị Trung ương 6 (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó mục tiêu xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính; quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng XHCN vào năm 2045 đặt ra nhiệm vụ cụ thể đến năm 2030 là: xây dựng nền HCNN phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch; bảo đảm Chính phủ là cơ quan HCNN cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội; phân cấp,

phân quyền hợp lý giữa trung ương và địa phương; cơ bản hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 15/7/2021 về *Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2021 - 2030* với trọng tâm là: tập trung cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số.

2. Một số nhận xét, đánh giá về quá trình cải cách hành chính nhà nước

CCHCNN đã được Đảng, Nhà nước xác định là một trong nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đổi mới, phát triển đất nước nói chung và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Bắt đầu từ năm 1986 đến nay, đã 37 năm, qua hai chương trình tổng thể CCHCNN (2001- 2010, 2011- 2020) và hiện nay đang thực hiện giai đoạn thứ ba (2021 - 2030). Trong quá trình này, có thể thấy những sự thay đổi về tư duy và kế thừa, bổ sung nội dung, phương thức CCHCNN:

Một là, tư duy chuyển từ quản lý kế hoạch hóa tập trung sang quản lý theo cơ chế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước. Từ đó, dẫn đến cách tiếp cận về chức năng, nhiệm vụ, vai trò của Nhà nước nói chung, bộ máy HCNN nói riêng. Thay vì Nhà nước quản lý, điều hành trực tiếp các hoạt động kinh tế - xã hội với những chỉ tiêu pháp lệnh, Nhà nước chuyển sang quản lý, điều hành vĩ mô thông qua quy hoạch, kế hoạch, hoạch định chính sách, ban hành pháp luật, tổ chức thực hiện chính

sách, pháp luật và kiểm soát quá trình đó. Điều này tạo tiền đề cho việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy HCNN theo hướng tinh gọn, giảm bớt tầng nấc trung gian.

Hai là, tư duy bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân, bên cạnh việc tạo điều kiện đưa các nguồn lực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội thì cũng đã tạo ra động lực và áp lực cho bộ máy HCNN cần thay đổi phương thức hoạt động để đáp ứng được nhu cầu phát triển của thực tiễn cũng như của người dân, thúc đẩy quá trình cải cách TTHC theo hướng đơn giản, thuận lợi, tiết kiệm. Cùng với đó là việc chuyển phân biệt khung pháp lý đối với mỗi loại hình doanh nghiệp sang tạo lập một môi trường pháp lý thống nhất cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, hướng đến một môi trường TTHC thống nhất, đồng bộ trong phạm vi cả nước.

Ba là, CCHCNN ngày càng được bổ sung về nội dung. Nếu như ở những giai đoạn đầu là cải cách một bước TTHC trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức (Nghị quyết 38-NQ/CP) thì trong *Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2001 - 2010* xác định có 4 nội dung: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; (3) Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; (4) Cải cách tài chính công. *Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2011 - 2020* xác định có 6 nội dung: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách TTHC; (3) Cải cách tổ chức bộ máy HCNN; (4) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; (5) Cải cách tài chính công; (6) Hiện đại hóa hành chính; đến *Chương trình tổng thể CCHCNN giai đoạn 2021 - 2030* có 6 nội dung: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách TTHC; (3) Cải cách tổ chức bộ máy HCNN, (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách tài chính công; (6) Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chính phủ số.

Từ thực tế CHCNN ở nước ta qua các giai đoạn, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau đây:

Thứ nhất, cần quán triệt, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về CCHCNN. Ngay từ Đại hội VI, Đảng đã nhận thấy nhu cầu, yêu cầu cần phải cải cách bộ máy nhà nước nói chung, CCHCNN nói riêng và đã có những định hướng cho CCHCNN. Qua các kỳ Đại hội, cùng với Cương lĩnh (năm 2000, 2011) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các giai đoạn luôn có những nội dung về CCHCNN. Vấn đề đặt ra là Nhà nước cần thể chế hóa, tổ chức thực hiện có hiệu quả quan điểm, đường lối của Đảng về CCHCNN.

Thứ hai, trong quá trình CCHCNN sẽ có những xung đột/cách tiếp cận khác nhau về lợi ích, phương thức, cách làm và “động chạm” đến lợi ích của một hay một số bộ phận. Để vượt qua những rào cản, trở ngại này, cần đặt lợi ích Tổ quốc, Nhân dân lên trên hết và trước hết.

Thứ ba, vấn đề mấu chốt, bản chất của CCHCNN là phải phân định rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy nhà nước cũng như cơ quan HCNN. Xu hướng chung là cần phân định những việc do Nhà nước giải quyết, những việc do Nhà nước và xã hội cùng giải quyết, những việc xã hội tự giải quyết. Đồng thời, Nhà nước chỉ làm những gì mà xã hội không làm được/chưa làm được hoặc không muốn làm, những gì xã hội làm hiệu quả hơn thì chuyển giao cho xã hội. Các cơ quan HCNN tập trung thực hiện quản lý vĩ mô thông qua hoạch định quy hoạch, chính sách, kế hoạch, pháp luật, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và kiểm soát quá trình đó.

Thứ tư, trong quá trình CCHCNN cần kiểm soát có hiệu quả quyền lực nhằm giảm thiểu rủi ro hoặc lợi ích nhóm; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu

cực; phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Thứ năm, gắn kết giữa CCHCNN với đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tập trung quản lý phát triển; bảo đảm thượng tôn *Hiến pháp* và pháp luật, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân □

Chú thích:

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2005, tr. 10, 47, 68, 328, 328, 377 - 379, 510 - 512, 512, 744 - 747.

10, 11. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2006, tr. 127, 253.

12. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung phát triển năm 2011)*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, ngày 24/9/2015.

13. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, ngày 24/9/2015.

14. *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, ngày 31/3/2016.

15. *Các nghị quyết: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*.

16, 17. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, ngày 22/3/2021.